

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI KYOZO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI KYOZO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KYOZO VIETNAM PRODUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KYOZO VIETNAM CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108621235

3. Ngày thành lập: 25/02/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4, Ngách 24/3, Ngõ 24, Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chỉ gồm có: Đại lý bán hàng hóa	4610
3.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
4.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
5.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: -Bán buôn máy móc, phụ tùng ngành công nghiệp	4659(Chính)
8.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
9.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Trừ hoạt động đấu giá	4791
10.	Cổng thông tin Chi tiết: - trừ hoạt động báo chí	6312
11.	Quảng cáo	7310
12.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
13.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
14.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
17.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
19.	Xây dựng nhà để ở	4101
20.	Xây dựng nhà không để ở	4102
21.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
22.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
23.	Xây dựng công trình điện	4221
24.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
25.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
26.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
27.	Phá dỡ	4311
28.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
29.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : - Hóa chất khác (Trừ loại sử dụng trong nông nghiệp): Chất tẩy rửa khuôn đúc nhựa, chất bảo dưỡng khuôn đúc nhựa, hóa chất tổng hợp để phục vụ việc sửa chữa bảo dưỡng khuôn đúc nhựa - Buôn bán nhựa đường và các loại nguyên liệu hóa chất phụ gia sản xuất nhựa đường - Buôn bán hạt nhựa nguyên liệu sản xuất và hạt nhựa tẩy - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh : hạt nhựa Polypropylen, hạt nhựa bakelite và các sản phẩm có liên quan - Kinh doanh vật liệu phục vụ các ngành công nghiệp - Bán buôn phôi sắt - Kinh doanh phụ gia cho dung dịch khoan - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: Hạt, bột, bột nhão	4669
30.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn, dầu thủy lực cho máy móc nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng	4661
31.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
32.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511

33.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết : - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;	7730
34.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
35.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
36.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
37.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
38.	Bán buôn thực phẩm	4632
39.	Tái chế phế liệu (không bao gồm kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường)	3830
40.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
41.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
42.	Thu gom rác thải độc hại	3812
43.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
44.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
45.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
46.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
47.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
48.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
49.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
50.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
51.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
52.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
53.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
54.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

55.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
57.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
58.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
59.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
60.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
61.	Sản xuất hoá chất cơ bản (trừ hóa chất Nhà nước cấm)	2011
62.	Sản xuất than cốc	1910
63.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết - Buôn bán sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
64.	Khai thác và thu gom than non	0520
65.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
66.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
67.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
68.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết - Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác - Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác	3290
69.	Đúc kim loại màu	2432

6. Vốn điều lệ: 2.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VIỆT DŨNG	Tổ 46 , Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	80,000	013220249	
2	NGUYỄN THANH TÙNG	Số 2, Ngõ 651 Minh Khai, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	250.000.000	10,000	030085000047	

3	HOÀNG THỊ THÚY	Xóm Chùa, Thôn Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	250.000.000	10,000	001190003336	
---	----------------	--	-------------	--------	--------------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT DŨNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *09/09/1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *013220249*

Ngày cấp: *20/08/2009*

Nơi cấp: *Công an Thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 46, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 46, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội